TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Bà Đinh Thị Kiều Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị TTTC, sinh năm 1982; ĐKHKTT: Số 14/380 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 15C 182 D, phường E, quận F, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh LHP, sinh năm 1978; ĐKHKTT: Số 14/380 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 15C 182 D, phường E, quận F, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị TTTC có đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh LHP được ly hôn và trình bày:

Chị và anh LHP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 4 năm 2009.

Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh LHP hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến đầu năm 2020 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Cũng từ đầu năm 2020 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh LHP và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị TTTC làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh LHP.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: G, sinh ngày 02/6/2009 và H, sinh ngày 27/02/2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con H, để anh LHP nuôi con G cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị TTTC không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị TTTC không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh LHP đã biết việc chị TTTC xin ly hôn anh, tuy nhiên anh LHP từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh LHP và đã tiến hành lập biên bản nêu rõ lý do từ chối, có xác nhận của đại diện tổ dân phố về việc anh LHP tử chối nhận văn bản theo đúng quy định của Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình chị TTTC thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị TTTC và anh LHP là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Địa phương, gia đình chị TTTC đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị TTTC có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị TTTC được ly hôn anh LHP. Về con chung: Giao con chung là G, sinh ngày 02/6/2009 cho anh LHP nuôi dưỡng; Giao con chung là H, sinh ngày 27/02/2012 cho chị TTTC nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Chị TTTC không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 15C 182 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị TTTC và anh LHP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị TTTC, anh LHP cư trú thấy quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị TTTC và anh LHP là có thật. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị TTTC đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, chị không còn tình cảm gì với anh LHP, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTTC là cần thiết, bảo đảm

quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: G, sinh ngày 02/6/2009 và H, sinh ngày 27/02/2012. Ly hôn chị TTTC đề nghị được nuôi con H, để anh LHP nuôi con G. Việc cấp dưỡng nuôi con chị TTTC tự thỏa thuận với anh LHP và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu G là con trai và đã học cấp 2 nên có thể tự lo được những việc nhỏ cho bản thân, cháu H còn bé lại là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Nên việc giao con chung là cháu G cho anh LHP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H cho chị TTTC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con G cho anh LHP trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con H cho chị TTTC trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị TTTC và anh LHP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị TTTC không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn anh LHP mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về các vấn đề khác: Chị TTTC không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị TTTC phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị TTTC được ly hôn anh LHP.

2. Về con chung: Giao con chung là: G, sinh ngày 02/6/2009 cho anh LHP trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là: H, sinh ngày 27/02/2012 cho chị TTTC trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi

có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị TTTC và anh LHP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Chị TTTC không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Chị TTTC phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010129, ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị TTTC đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phương